

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIÊN LƯƠNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/DS-ST  
Ngày: 21-8-2020  
“V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự về vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Bạch Vân  
2. Ông Trương Thanh Giảng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Xuân Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Anh Núi- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ông Lê Hữu N – sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

2/ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1984, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Hữu N trình bày như sau:*

Ngày 17/4/2019 ông Nguyễn Văn T có vay ông N số tiền là 30.000.000đ, cam kết trả hết nợ trước ngày 17/10/2019, lãi 5%/tháng nhưng đến nay ông T vẫn không thanh toán số nợ nói trên. Phần đất ông T thế chấp cho ông để mượn nợ, nay đã bán cho người khác mà không bàn bạc hay thông báo cho ông hay.

Nay ông N yêu cầu ông T trả số tiền gốc là 30.000.000đ, cộng với lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 17/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T có nhà và sinh sống tại địa phương nhưng những lần Tòa án tiến hành tổng đạt ông T không có mặt, ông T biết việc thụ lý vụ án của Tòa án nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác. Tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp “Hợp đồng dân sự về vay tài sản” được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy có sở chấp nhận, bởi lẽ: Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp giấy mượn nợ đề ngày 17/4/2019 và Biên bản lấy lời khai của bà Dương Thị N là người sống chung với ông T như vợ chồng nhưng chưa có đăng ký kết hôn trình bày rằng: *“Khi anh T vay tiền thì tôi không biết, anh T vay tiền để ăn xài cá nhân, tôi không hề hay biết. Sau này anh N đến đòi tiền thì tôi có hỏi anh T. Anh T nói có vay tiền anh N để tự xài cá nhân không liên quan gì đến tôi”*. Từ những chứng cứ đã nêu, nhận thấy nên buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả số nợ 30.000.000đ cho nguyên đơn là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thấy rằng theo giấy mượn nợ thể hiện hai bên không thỏa thuận về vay có lãi, nhưng có thỏa thuận về thời hạn trả nợ, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 17/4/2019 là không chính xác, bởi các bên thỏa thuận thời hạn mượn nợ từ ngày 17/4/2019 đến ngày 17/10/2019, như vậy đến ngày 18/10/2019 thì bị đơn mới vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự để buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn số tiền lãi 10%/năm, từ ngày 18/10/2019 đến ngày 21/8/2020 là 10 tháng 03 ngày trên số tiền gốc, bằng 2.525.000đ.

[4] Đối với bị đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ

án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến hoặc có mặt tại Tòa để trình bày nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, mà còn cố tình trốn tránh. Như vậy chứng tỏ bị đơn đã từ bỏ quyền được đưa ra các tài liệu, chứng cứ hay lời trình bày của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[5] Về án phí DSST: Bị đơn bị buộc trả số tiền 32.525.000đ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí 1.626.250đ.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nhận lại tiền tạm ứng án phí.

***Vì các lý trên;***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tuyên xử:

1/ Xử buộc: Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hữu N số tiền 32.525.000đ (Ba mươi hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và lãi 2.525.000đ (Hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.*

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.626.250đ (một triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Ông Lê Hữu N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo lai thu số 0000110 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

3/ Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/8/2020). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành Án DS h.Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Minh**